

PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG LÃNH THỔ Ở VIỆT NAM TRÊN QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TS. LÊ ANH SƠN *

Phát triển kinh tế nhanh và bền vững là một trong những tư tưởng chủ đạo nhất quán trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010. Trong "Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HDH) theo định hướng XHCN, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp" đã được Đại hội IX của Đảng thông qua, có nêu rõ quan điểm phát triển của 10 năm tới đây là "Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường".

Để thực hiện quan điểm này cần phát huy mọi nguồn lực để phát triển nhanh và có hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực và các vùng mà nước ta có lợi thế. Tạo điều kiện để các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) có nhịp độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung, đóng góp vào tăng trưởng cả nước và lôi kéo hỗ trợ các vùng khác, nhất là các vùng có nhiều khó khăn cùng phát triển. Những định hướng phát triển các vùng lãnh thổ theo hướng phát triển bền vững đang dần được hoàn thiện, cụ thể hóa thông qua các qui hoạch, các đề án phát triển trong những năm gần đây.

1. Xây dựng ba vùng KTTĐ tạo động lực cho sự phát triển hài hòa kinh tế - xã hội và môi trường cho cả nước

* Phó Viện trưởng Viện Chiến lược Phát triển - Bộ KH&ĐT

Chủ trương phát triển các vùng KTTĐ đã được đề cập trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VII, được cụ thể hóa qua Đại hội Đảng lần thứ VIII. Năm 1997-1998, qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của ba vùng Kinh tế trọng điểm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Từ đó đến nay, ba vùng KTTĐ đã phát triển cả về số lượng và chất lượng. Vùng KTTĐ Bắc bộ từ 5 tỉnh ban đầu nay đã lan tỏa thành 8 tỉnh, thành phố; vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung nay gồm 5 tỉnh thành phố; Tam giác trọng điểm phía Nam cũng đã phát triển bao gồm 6 tỉnh, thành phố Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An. Đứng trước thực tế đó ngày 13 tháng 8 năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 145/2004/QĐ-TTg, số 146/2004/QĐ-TTg và 148/2004/QĐ-TTg về Phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 của Vùng KTTĐ Bắc Bộ, phía Nam và miền Trung.

Để đạt được vai trò động lực, nhịp tăng trưởng kinh tế của cả ba Vùng đều cao hơn mức trung bình của cả nước từ 1,1 đến 1,3 lần trong giai đoạn từ nay đến 2020; với nhịp tăng này, vào năm 2010 tỷ trọng đóng góp trong GDP của ba vùng KTTĐ Bắc - Trung - Nam tương ứng là 23,5% - 5,5% - 40,5%; tăng mức đóng góp trong thu ngân sách từ 23% năm 2005 lên 26% năm 2010 và 29% năm 2020 (vùng KTTĐ Bắc Bộ), từ 33,9% năm 2005 lên 38,7% năm 2010 và 40,5% năm 2020 (vùng KTTĐ phía

Nam) và từ 4,6% năm 2005 lên 6% năm 2010 và 7% năm 2020 (vùng KTTĐ miền Trung). So với các vùng khác trong nước, ba vùng kinh tế trọng điểm có nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế hơn cả, điều này cũng tác động đến sự phát triển xã hội và tạo điều kiện tốt hơn trong việc bảo vệ môi trường.

Từ giác độ phát triển bền vững có thể thấy:

(1) Trình độ phát triển của các vùng KTTĐ cao hơn các vùng xung quanh, song chưa đồng đều, chưa phát huy được vai trò động lực; trong đó vùng KTTĐ phía Nam có trình độ phát triển cao nhất cả nước, hiện đóng góp trên 1/3 GDP, 1/3 nguồn thu ngân sách và có 40 khu công nghiệp đã thành lập đi vào hoạt động; vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đóng góp khoảng 1/5 GDP, trên 1/5 nguồn thu ngân sách và 8 khu công nghiệp đã thành lập và đang hoạt động; vùng KTTĐ miền Trung đóng góp 1/20 GDP, dưới 1/20 nguồn thu ngân sách và có 8 khu công nghiệp đã thành lập và đang hoạt động.

(2) Vùng KTTĐ phía Nam đang đổi mới với vấn đề môi trường, nhất là môi trường đô thị và khu công nghiệp; mức độ ô nhiễm môi trường có xu hướng tăng, kể cả môi trường nước, không khí và chất thải rắn. Kết cấu hạ tầng được đầu tư song côn bất cập với nhu cầu phát triển của Vùng; nhiều vấn đề xã hội bắt đầu nổi cộm, đặc biệt là nhu cầu nhà ở và sinh hoạt của công nhân các khu công nghiệp. Do thời gian vừa qua vùng KTTĐ phía

Nam được mở rộng, sự chênh lệch phát triển giữa các địa phương trong Vùng càng nhiều hơn.

(3) Vùng KTTĐ Bắc Bộ có mức phát triển kinh tế trên mức trung bình của cả nước, song GDP bình quân đầu người mới chỉ đạt khoảng 60% mức của vùng KTTĐ phía Nam. Sau một thời gian phát triển, sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn có xu thế doang ra, dân số nông thôn và lao động nông nghiệp còn chiếm một tỷ lệ rất cao (so với bình quân cả nước) trong khi cơ cấu nông nghiệp giảm đi đáng kể; tạo sức ép xã hội về việc làm và thu nhập. Vấn đề ô nhiễm môi trường bắt đầu xuất hiện ở một số địa phương có mật độ khu công nghiệp chưa tương xứng với kết cấu hạ tầng.

(4) Trong vùng KTTĐ miền Trung hiện nay chỉ tiêu GDP bình quân đầu người mới chỉ đạt 67% mức bình quân cả nước. Nhìn chung trình độ phát triển kinh tế còn chênh lệch nhiều giữa các địa phương trong Vùng. Tỷ trọng dân số nông thôn và lao động nông nghiệp còn cao, do vây đời sống dân cư còn gặp nhiều khó khăn. Kết cấu hạ tầng nông thôn ở một số tỉnh còn yếu kém, một số chỉ tiêu về xã hội do vậy còn thấp. Thiên nhiên khắc nghiệt, bão lụt xảy ra với tần suất cao so với các vùng khác trong cả nước. Tỷ lệ che phủ của rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên, thấp, do vậy khả năng bị hạn hán và lũ lụt luôn tiềm ẩn. Điều này cũng ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Vùng.

2. Phát triển mạnh kinh tế các vùng dọc biên giới, tạo điều kiện cho việc phát triển xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái

Một trong những đặc điểm tự nhiên của nước ta là có tuyến biên giới trải dài trên 3000 km, tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Campuchia. Tiếp xúc dọc theo tuyến biên giới là vùng các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc; một số tỉnh miền Trung từ Thanh Hoá đến Thừa Thiên - Huế; Tây



Phát triển bền vững trên địa bàn Quảng Ninh đòi hỏi phải giải quyết hài hòa các vấn đề phát triển dịch vụ - du lịch - công nghiệp - cảng biển

Nguyên; một số tỉnh thuộc địa bàn Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đặc điểm chung của các tỉnh vùng biên giới là điều kiện phát triển kinh tế tương đối khó khăn, mức sống nhìn chung thấp hơn bình quân cả nước. Các vấn đề xã hội và môi trường luôn bức xúc cần giải quyết.

- *Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ* là địa bàn đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội - môi trường; có vai trò quyết định đối với môi trường sinh thái của cả vùng Bắc Bộ; có tiềm năng lợi thế về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ điện, khoáng sản, du lịch và kinh tế cửa khẩu, là vùng có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống gắn bó lâu đời. Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ còn nhiều khó khăn, yếu kém, kinh tế phát triển chậm, đến nay vẫn là vùng nghèo nhất cả nước, khoảng cách về thu nhập của Vùng so với các vùng khác có xu hướng ngày càng rộng thêm. Các địa phương trong vùng chưa có khả năng cản đối ngập sáich. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, hiệu quả thấp và thiếu vững chắc, hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém. Những yếu tố mất ổn định về xã hội còn tiềm ẩn.

- *Vùng Tây nguyên* cũng là một địa bàn đặc biệt quan trọng về kinh tế

- xã hội và môi trường của cả nước, là vùng giàu tiềm năng lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội. Sau 15 năm đổi mới, kinh tế - xã hội Tây Nguyên đã có bước phát triển khá, bước đầu phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế, mở rộng sản xuất hàng hoá, tạo được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội có nhiều thay đổi lớn. Tuy nhiên, trong thời gian qua, việc phát triển kinh tế chưa kết hợp tốt với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng và đoàn kết dân tộc; để xảy ra tình trạng phân hoá giàu nghèo nhanh giữa đồng bào nơi khác đến định cư, chủ yếu là đồng bào Kinh với đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ, đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ vẫn còn nhiều khó khăn. Tình trạng nông dân thiểu số tại chỗ không có đất canh tác do mua bán, sang nhượng trái phép còn nhiều. Tỷ lệ đói nghèo và trẻ em suy dinh dưỡng cao, trình độ dân trí thấp và chậm được cải thiện. Tình trạng chặt phá rừng trái phép vẫn còn diễn ra ở một số địa phương.

- *Vùng Đồng bằng sông Cửu Long* là một vùng đất rộng lớn, tập trung đông dân cư, có tiềm năng thế mạnh về phát triển nông nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ, hải sản hàng hoá

qui mô lớn, tiềm năng về dầu khí, giao thông vận tải biển, du lịch. Thời gian qua vùng ĐBSCL đã có bước phát triển đáng kể nhất là khu vực nông nghiệp với sự phát triển của các nông thuỷ sản xuất khẩu lớn. Kết cấu hạ tầng đã được đầu tư khá, có nhiều bước tiến bộ quan trọng. Thuỷ lợi, giao thông, bưu chính viễn thông, nhà ở và các cụm, tuyến dân cư cho dân vùng ngập lũ, mạng lưới y tế trường học, các công trình cung cấp nước sạch, xoá đói giảm nghèo... được tăng cường, góp phần quan trọng vào việc phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân trong vùng. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế nhìn chung còn theo chiều rộng, dựa vào khai thác tiềm năng sẵn có là chính. Sản phẩm xuất khẩu phụ thuộc vào thị trường quốc tế, sức cạnh tranh sản phẩm chưa cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng do thường xuyên bị lũ lụt nên xuống cấp nhanh, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân. Chất lượng nguồn nhân lực, mặt bằng dân trí trong vùng còn thấp. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn rất khó khăn, nhất là đồng bào ở vùng ngập lũ sâu và đồng bào Khơ me; tỷ lệ đói nghèo trong vùng còn cao. Mâu thuẫn nảy sinh giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái (như giữa yêu cầu thuỷ lợi, thoát lũ với phát triển giao thông; giữa sản xuất thuỷ sản với bảo vệ rừng ngập mặn...).

- Miền Trung (bao gồm 14 tỉnh từ Thanh Hoá đến Bình Thuận) là một vùng có tiềm năng lớn về nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thuỷ sản, nghề muối, cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, phát triển rừng; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, thuỷ điện, vật liệu xây dựng... Các tỉnh nằm ngoài vùng KTTĐ phần lớn đều có mức phát triển kinh tế thấp, kinh tế chủ yếu vẫn là nông nghiệp, lại thường xuyên bị thiên tai. Lao động chủ yếu là nông nghiệp, thu nhập dân cư thấp

hơn bình quân cả nước; đời sống nhân dân, nhất là ở vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng xa, biên giới và bắc ngang còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ đói nghèo vẫn ở mức cao so với cả nước. Việc phòng ngừa và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra chưa đạt hiệu quả cao. Độ che phủ của rừng thấp.

3. Phát triển kinh tế biển, kinh tế - xã hội ở các hải đảo gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái

Việt Nam là một quốc gia ven biển, có bờ biển dài 3.260 km và vùng biển rộng gấp 3 lần diện tích đất liền cùng hơn 3.000 hòn đảo. Vùng biển, ven biển và hải đảo Việt Nam là địa bàn chiến lược cực kỳ quan trọng cả về kinh tế và an ninh quốc phòng và có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển. Tiềm năng tài nguyên ở biển và vùng ven biển khá phong phú, đa dạng, trong đó có một số loại nổi trội như dầu khí, hải sản, điều kiện xây dựng cảng, du lịch biển và ven biển... là những nguồn lực phát triển quan trọng. Từ bao đời nay, vùng biển, ven biển và hải đảo đã gắn bó chặt chẽ với mọi hoạt động sản xuất và đời sống của dân tộc Việt Nam.

Thời gian qua, việc khai thác tài nguyên biển đã góp phần tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. Tuy nhiên việc khai thác tài nguyên biển không phải mọi lúc mọi nơi đều gắn liền với việc bảo vệ môi trường sinh thái. Hiện nay một số bãi biển

cá bùa bãi ven bờ bằng những biện pháp mang tính huỷ diệt đã làm cạn kiệt nguồn hải sản. Một số giống hải sản quý hiếm, có giá trị kinh tế cao đang ở tình trạng mất dần. Đời sống ngư dân ở một số vùng vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, đói nghèo.

4. Thách thức trước mắt và phương hướng phát triển bền vững các vùng lân thổ

Cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế, thu nhập bình quân đầu người của dân cư cũng tăng lên. Tuy nhiên, sự phân hoá giàu nghèo cũng gia tăng. Năm 1990, theo điều tra sơ bộ, chênh lệch giữa hộ giàu và hộ nghèo là 4,1 lần; năm 1992 là 4,4 lần. Năm 1993, theo kết quả điều tra giàu nghèo, chênh lệch giữa nhóm 20% số hộ giàu nhất với nhóm 20% số hộ nghèo nhất là 6,2 lần; năm 1995 là 6,5 lần; năm 1996 là 7 lần; năm 1997 là 7,3 lần và năm 1999 là 8,9 lần; 2002 là 8,1 lần. Sự phân hoá giàu nghèo cũng khác nhau giữa các vùng lân thổ, cụ thể số liệu 2002 cho thấy:

	Số lần chênh lệch
Toàn quốc	8,1
Miền núi-trung du Bắc Bộ	6,0
Đồng bằng Sông Hồng	6,7
Miền Trung	5,8
Tây Nguyên	6,8
Đông Nam Bộ	8,7
ĐBSCL Cửu Long	7,1

Hệ số GNI của cả nước một số năm cho thấy xu thế tăng dần qua các năm:

	1995	1996	1999	2002
Toàn quốc	0,357	0,362	0,390	0,42
- Thành thị		0,381	0,406	
- Nông thôn		0,330	0,335	
Miền núi-trung du Bắc Bộ	0,34		0,38	
Đồng bằng Sông Hồng	0,33		0,39	
Miền Trung	0,34		0,36	
Tây Nguyên	0,45		0,40	
Đông Nam Bộ	0,37		0,42	
ĐBSCL Cửu Long	0,38		0,40	

nước đã bị ô nhiễm do sự phát triển quá mức của du lịch, giao thông vận tải, công nghiệp, đô thị...; việc đánh

Trong những năm gần đây, vấn đề ô nhiễm môi trường không khí, nước, (Xem tiếp trang 17)

Phát triển các vùng lãnh thổ...

(Tiếp theo trang 14)

chất thải rắn đã trở nên bức xúc ở nhiều địa phương trong cả nước. Ở một số địa phương, tần suất lũ lụt và hạn hán có chiều hướng gia tăng với mức độ thiệt hại cao hơn. Từ giác độ phát triển bền vững có thể thấy yêu cầu phát triển hài hòa các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường đang đặt ra nhiều thách thức cho tất cả các vùng, kể từ vùng trọng điểm đến những vùng kém phát triển.

Quá trình dụng nước, giữ nước và xây dựng đất nước đã hình thành nên các vùng kinh tế - xã hội có đặc thù riêng. Do sự phát triển của cả ba lĩnh vực (kinh tế, xã hội và môi trường) vừa bổ sung cho nhau, vừa loại trừ nhau nên đối với từng vùng cần xác định thứ tự ưu tiên các mục tiêu phát triển bền vững. Hay nói khác đi cần có một tiêu chí để hướng sự phát triển theo nội dung bền vững. Các tiêu chí này

cho phép so sánh sự phát triển của các địa phương trong vùng với nhau, và so sánh sự phát triển bền vững giữa các vùng với nhau. Từ đó, cho phép phân tích thứ tự ưu tiên đầu tư phát triển các ngành và lĩnh vực. Trong điều kiện của nước ta hiện nay, việc lồng ghép các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm đã được Đại hội Đảng thông qua, với các mục tiêu của Chiến lược tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo, với Định hướng Chiến lược phát triển bền vững cho phép xem xét rá soát lại các định hướng lớn trong qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng và các chương trình đầu tư trọng điểm quốc gia.

Trong những năm trước mắt, nhìn chung phát triển kinh tế vẫn là hướng ưu tiên song từ đặc trưng của các vùng nêu ở phần trên có thể thấy thứ

tự ưu tiên trong từng giai đoạn có thể thay đổi linh hoạt, chẳng hạn:

- Đối với các vùng KTTĐ, ngoài việc ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế cần chú ý lĩnh vực môi trường nhiều hơn.

- Đối với các vùng tiếp giáp với biên giới phía Bắc và phía Tây, ưu tiên phát triển kinh tế vẫn là quan trọng, từ đó nâng cao đời sống xã hội và chú trọng việc bảo vệ môi trường.

- Đối với vùng biển cần chú trọng nhiều hơn yếu tố môi trường để đảm bảo tiềm năng cho phát triển kinh tế, cải thiện đời sống Xã hội.

Phát triển bền vững là mục tiêu chung của cả nước, trong đó có các vùng lãnh thổ. Trong điều kiện hạn chế về nguồn lực, các mục tiêu phát triển bền vững cần được phân tích xem xét từ nhiều giác độ khác nhau và cần có sự nhận thức chung của cả cộng đồng. Có như vậy các định hướng phát triển của Agenda 21 mới thành hiện thực.

L.A.S